

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DSST

Ngày: 01 - 7 - 2020

*V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản
giữa Hoàng Thị L và Vũ Văn Th*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sơn**

Ông **Nguyễn Đại Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thùy Linh** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DSST ngày 03 tháng 01 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Đội 4, TDP Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn Th**, sinh năm 1977

Đã từng làm việc: Công ty Điện lực Mỹ Đ, huyện Mỹ Đ, TP. Hà N

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tế T, thị trấn Đại Ngh, huyện Mỹ Đ, TP. Hà N.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết anh Vũ Văn Th, nên bà L đã cho anh Th vay tiền rất nhiều lần, Thành trả đầy đủ rồi lại vay nên ngày 14/7/2017 bà L tiếp tục cho anh Th Vay số tiền 50 triệu đồng thời hạn vay là 10 ngày (thời hạn trả là 25/7/2017), với lãi suất là 4,5%/tháng, Thành vay sử dụng tiền với mục đích cá nhân, tiếp đến 01/11/2017 bà L nhờ Thành xin việc cho con trai bà L với số tiền là 60 triệu đồng và có làm giấy biên nhận tiền, thời hạn là 03 tháng không xin được việc cho con trai bà L thì phải trả lại số tiền trên cho bà L, tại Tòa án bà L trình bày: Đây là số tiền bà L nhờ anh Th xin việc cho con trai, anh Th xin chuyển giao dịch trên thành khoản vay, hứa trả và xin bà L không đề nghị khởi tố nên bà đã thay đổi và chuyển số tiền xin việc thành số tiền Thành vay, với thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày 01/11/2017, lãi suất 4,5%/tháng. Tuy nhiên đã quá hạn trả nợ thời gian dài anh Th không trả được, bà L đã đòi Thành nhiều lần nhưng anh Th mới trả được 15.000.000 đồng được trừ vào khoản vay 60.000.000 đồng. nay bà L có yêu cầu khởi kiện buộc anh Th phải trả số tiền còn nợ gốc của 02 khoản vay là 95 triệu đồng và lãi suất theo thỏa thuận từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Về phía bị đơn anh Vũ Văn Th trình bày:

Anh thừa nhận có vay của bà Hoàng Thị L ở Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội, ba lần vay lần 1 vay ngày 22/5/2017, lần hai vay tháng 7, lần ba vay tháng 11, về thời hạn không có thời hạn trả, về lãi suất trong giấy nợ không ghi mà chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2.500đồng/triệu/ngày. Anh đã trả bà L tổng số tiền là 65 triệu đồng chẵn còn lãi anh đã mấy lần trả, nhưng không nhớ vì bà L ghi vào trong sổ, tài liệu chứng minh cho việc trả nợ anh không có. Nay bà L yêu cầu anh phải trả số tiền 95 triệu, do làm ăn thua lỗ anh xin bà L cho anh được trả mỗi tháng 3 triệu đồng vào ngày 12 hàng tháng và xin bà L bớt cho anh tổng nợ gốc xuống còn 65 triệu đồng, còn về phần lãi anh xin bà L miễn lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 13/5/2020 bị đơn có quan điểm: Thừa nhận việc vay nợ như bà L trình bày, lãi xuất mỗi khoản vay là 4.5%/tháng. Anh đã trả được 15.000.000 đồng tiền gốc và chưa trả được lãi. Nay anh Xin trả nợ gốc cả 02 khoản vay trên là 70 triệu đồng và xin miễn toàn bộ lãi, trong vòng một tháng anh sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc trên nếu hết thời hạn đó anh không trả được thì nhất trí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của bà L: Nhất trí với phương án trả nợ của anh Th là trong vòng 01 tháng kể từ ngày hòa giải anh sẽ thanh toán trả 70 triệu đồng và không tính lãi, nếu hết thời hạn đó mà không trả thì bà L yêu cầu anh Th phải trả đủ số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2020 tổng nợ gốc và nợ lãi là: 255.200.000đồng, trong đó: Nợ gốc: 95.000.000đồng, nợ lãi chuyển sang quá hạn là: 160.200.000đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có quan điểm: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc anh Vũ Văn Th phải trả tổng số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng và

lãi suất theo thỏa thuận là 4,5%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp mức lãi do hai bên thỏa thuận này không phù hợp với quy định của pháp luật thì bà L đề nghị áp dụng mức lãi suất quá hạn theo bộ luật dân sự hiện hành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục, quy trình và thực hiện xét xử công khai khách quan.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L buộc anh Th phải trả số tiền nợ gốc là 95 triệu đồng chẵn và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi thanh toán trả hết nợ.

Anh Th phải chịu áp phí DSST theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Th vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Về khoản vay: Anh Vũ Văn Th xác nhận có ký nhận vay nợ bà Hoàng Thị L theo hai giấy vay nợ ngày 14/7/2017 vay số tiền 50 triệu đồng và giấy biên nhận ngày 01/11/2017 số tiền 60 triệu đồng ban đầu là tiền xin việc cho con bà L nhưng sau đó các bên đã thống nhất thỏa thuận khai chuyển khoản tiền này là tiền vay nợ, có lập biên bản, có chữ ký người vay tiền và người nhận tiền, có thời hạn vay, trong giấy không ghi mức lãi suất vay, nhưng hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận mức lãi suất bằng miệng là 4,5%/tháng. Do vậy xác định việc vay nợ của anh Th ngày 14/7/2017 là có thật và được xác định là giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đối với giao dịch ngày 01/11/2017 giữa anh Th và bà L ban đầu là giao dịch xin việc cho con bà L nhưng sau đó các bên đã thống nhất chuyển thành hợp đồng vay tài sản nên xác định giao dịch ngày 01/11/2017 là giao dịch vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Nay đến hạn anh Th còn nợ gốc và không trả được lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định của điều 466 BLDS. Bà L có quyền yêu cầu khởi kiện buộc anh Th phải trả các khoản vay cho bà là đúng pháp luật.

Về nợ gốc phải trả: Bà L và anh Th đều xác nhận anh Th có trả cho bà L vào gốc số tiền 15 triệu đồng, Hiện anh Th còn phải trả bà L tổng số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là 95 triệu đồng. (Tại phiên tòa bà L xác nhận số tiền 15.000.000 đồng anh Th đã trả được trừ vào khoản tiền vay 60.000.000 đồng).

- Xét lãi xuất và tiền lãi: Bà L và anh Th đều thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất bằng miệng cho 02 khoản vay trên là 4,5%/tháng, xét thấy mức lãi suất thỏa thuận này là quá cao so với quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự thì các bên có quyền thỏa thuận mức lãi suất nhưng không được vượt quá 20% năm của khoản vay. Do vậy chỉ chấp nhận áp dụng mức lãi suất cho các đương sự trong 02 khoản vay trên là 20%/năm.

Anh Th vay các khoản vay trên có thời hạn, khi thời hạn cho vay đã hết anh Th chưa trả được cả gốc và khoản lãi nào nên bà L có yêu cầu được chuyển sang lãi quá hạn và được chấp nhận theo quy định tại khoản 5 điều 466 BLDS. Mức lãi suất quá hạn được áp dụng tối đa không được vượt quá 150% lãi xuất trong hạn do các bên thỏa thuận do vậy mức lãi suất được áp dụng tối đa cho bà L là 30%/năm tương đương với 2,5%/tháng. Cụ thể khoản lãi quá hạn của bà L được tính đối với anh Th như sau:

+ Khoản vay ngày 14/7/2017 đến 01/7/2020 là 50.000.000đ x 2.5%/tháng x 35 tháng (ba Lan nhất trí làm tròn 35 tháng) = 43.750.000 đồng .

+ Khoản vay ngày 01/11/2017 đến 01/7/2020 là 60.000.000đ -15.000.000 = 45.000.000 (bà L nhất trí tính lãi số tiền gốc 45.000.000 đồng kể từ ngày lập giấy vay 01/11/2017) x 2.5%/tháng x 32 tháng = 36.000.000 đồng.

Tổng nợ lãi quá hạn = 79.750.000 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi buộc anh Th phải trả cho bà L là 174.750.000 đồng.

Về án phí: Anh Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.737.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 02597 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện các “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Vũ Văn Th phải trả bà Hoàng Thị L tổng số tiền: 174.750.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm năm

mười nghìn đồng chẵn) Trong đó: Nợ gốc: 95.000.000đồng (Chín mươi lăm triệu đồng); Nợ lãi: 79.750.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Án phí: Anh Vũ Văn Th phải nộp 8.737.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 02597 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền mà phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành phải chịu một khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo

hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không

liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

